

Số: **43** /2012/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **15** tháng 8 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực giai đoạn 2012-2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản liên ngành số 2135/TTr-SNN-TC-KH ngày 15/6/2012, kèm theo Báo cáo thẩm định số 623/BC-STP ngày 15/6/2012 của Sở Tư pháp;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại văn bản số 222/HĐND ngày 02/8/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực giai đoạn 2012-2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Vụ Pháp chế Bộ NN và PTNT;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở: Tư Pháp, Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
- Các PVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, TKCT, TH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Kim Cự**

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số  
sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực giai đoạn 2012-2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2012/QĐ-UBND  
ngày 15/8/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Mục đích**

Khuyến khích sản xuất giống lúa, lợn, tôm, bò nhằm đáp ứng nhu cầu về cây, con giống đảm bảo số lượng, chất lượng phục vụ phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng và thời gian thực hiện**

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất giống lúa, lợn, tôm, bò (được gọi là người sản xuất) trên địa bàn Hà Tĩnh, đảm bảo phù hợp quy hoạch (các tổ chức, cá nhân ngoài nước sẽ được xem xét cụ thể đối với từng dự án).

b) Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến năm 2015.

**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, người sản xuất được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011, Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh, Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ và các văn bản quy định khác của Trung ương và của tỉnh còn hiệu lực. Trường hợp các văn bản có cùng nội dung hỗ trợ thì người sản xuất được hưởng mức hỗ trợ cao nhất được quy định tại văn bản đó.

- Áp dụng cho các cơ sở sản xuất giống xây dựng mới từ năm 2012 trở đi, được hỗ trợ 01 lần khi chưa có nguồn tài chính khác hỗ trợ và khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

- Các trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ sai mục đích hoặc không đúng đối tượng thì sẽ bị thu hồi.

- Việc quản lý kinh phí hỗ trợ thực hiện đúng theo quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách tỉnh; lồng ghép các nguồn kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Chương trình giống cây trồng, vật nuôi và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để bố trí để thực hiện chính sách này.

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Về sản xuất giống lúa**

1. Vùng sản xuất giống lúa xác nhận có quy mô từ 20 ha liền vùng trở lên (nằm trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt) được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% kinh phí lập quy hoạch chi tiết (theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt), nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/quy hoạch.

b) Ngân sách đầu tư 50% kinh phí bê tông hóa kênh mương nội đồng (theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt), nhưng tối đa không quá 600 triệu đồng/vùng.

c) Hỗ trợ 50% chi phí mua 01 máy sảy hạt giống, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/máy cho những vùng có thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác.

2. Các đơn vị sản xuất giống lúa tổ chức khảo nghiệm, chọn tạo đưa giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất đại trà trên địa bàn tỉnh có diện tích tối thiểu đạt 1.000 ha/vụ (được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan xác nhận), được hỗ trợ một lần 200 triệu đồng/giống.

### **Điều 6. Về sản xuất giống lợn**

Cơ sở chăn nuôi lợn giống (ngoại) sinh sản cấp ông bà và bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên (nằm trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt) được hỗ trợ:

1. Hỗ trợ 50% kinh phí lập quy hoạch chi tiết (theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt), nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/quy hoạch.

2. Hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng, chuồng trại: Mức hỗ trợ 7 triệu đồng/nái ông bà; 2 triệu đồng/nái bố mẹ.

### **Điều 7. Về sản xuất giống bò Lai Zêbu**

- Người sản xuất chăn nuôi bò cái sinh sản phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo được hỗ trợ tiền tinh, vật tư, phí quản lý và một phần tiền công phối giống, mức hỗ trợ 100.000đồng/01 con bê lai Zêbu sinh ra;

- Người chăn nuôi bò cái lai sinh sản (50% máu Zêbu trở lên) phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, tạo bò 3/4 máu ngoại trở lên, với tinh giống bò đực chất lượng cao (droughtmaster) được hỗ trợ tiền tinh, vật tư, phí quản lý và một phần tiền công phối giống, mức hỗ trợ 200.000 đồng/01 con bê lai sinh ra.

### **Điều 8. Về sản xuất giống tôm**

Cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng với quy mô 500 triệu tôm giống/năm trở lên; ương dưỡng giống tôm thẻ chân trắng với quy mô 200 triệu tôm giống/năm trở lên (nằm trong vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt), được hỗ trợ:

1. Hỗ trợ 50% kinh phí lập quy hoạch chi tiết (theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt), nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/quy hoạch.

2. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, mua sắm trang thiết bị: Mức 3.000 triệu đồng/cơ sở sản xuất giống; 500 triệu đồng/cơ sở ương dưỡng giống.

### **Điều 9. Hỗ trợ về tín dụng**

Các cơ sở chăn nuôi lợn nái sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô từ 300 nái trở lên; cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng với quy mô 500 triệu tôm giống/năm trở lên được hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất tiền vay giữa Ngân hàng thương mại và Ngân hàng chính sách xã hội (0,65%/tháng) trên địa bàn trong vòng 3 năm đầu, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Biên soạn các tài liệu hướng dẫn về quy mô, tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về sản xuất giống của một số cây trồng, vật nuôi chủ lực (lúa, lợn, tôm, bò).

b) Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện các quy hoạch chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất đồng bộ không chồng chéo; đồng thời theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện chính sách; định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá việc thực hiện chính sách này.

c) Phối hợp với các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để thống nhất lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chính sách trên.

d) Hàng năm trên cơ sở nhu cầu của các địa phương, kiểm tra, rà soát tổng hợp lập kế hoạch về khối lượng nhiệm vụ cụ thể, dự toán nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực (lúa, lợn, tôm, bò) giai đoạn 2012-2015 theo hướng lồng ghép các nguồn vốn gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

#### **2. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, dự kiến bố trí kinh phí thực hiện chính sách trên.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã đưa vào dự toán ngân sách cấp huyện hàng năm về kinh phí để thực hiện chính sách này.

d) Căn cứ dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khả năng ngân sách tỉnh để phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan để tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm.

#### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng sản xuất giống.

**4. Các cơ quan liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng quy định.

**5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

a) Hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực (lúa, lợn, tôm, bò) giai đoạn 2012-2015 vào chính sách nông nghiệp, nông thôn theo gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, rà soát, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh.

b) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực (lúa, lợn, tôm, bò) giai đoạn 2012-2015 hàng năm theo đúng quy định.

c) Theo dõi thực hiện việc quản lý quy hoạch vùng sản xuất và các quy hoạch liên quan; hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân đối với diện tích đất người sản xuất đang sử dụng hợp pháp, theo đúng quy định của pháp luật.

d) Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính.

e) Chủ động phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Chính sách này đến các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

**6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này.

b) Thực hiện hỗ trợ kinh phí theo đúng chính sách và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định.

c) Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND các huyện, thành phố, thị xã.

**7. Trách nhiệm của người sản xuất:** Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự